

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 469/QĐ-ĐHTĐ, ngày 20 tháng 8 năm 2021 của

Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô)

- Tên chương trình: Cử nhân Kinh doanh quốc tế
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Ngành đào tạo: Kinh doanh quốc tế
- Mã ngành: 7340120
- Loại hình đào tạo: Chính quy

### 1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Kinh doanh Quốc tế có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp có và sức khỏe tốt, có kiến thức, có tư duy khoa học tổng hợp về kinh tế, quản trị, quản lý và các kỹ năng chuyên sâu kinh doanh quốc tế ở các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, các tập đoàn, ở các công ty đa quốc gia, xuyên quốc gia và các cơ quan nhà nước.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

**G1.** Người học được trang bị những kiến thức cơ bản về chính trị, cơ chế vận hành của nền kinh tế, hiểu biết luật pháp và chính sách đối ngoại của Đảng và nhà nước, toán-tin, khoa học xã hội, tự nhiên, tài chính, kế toán...

**G2.** Cung cấp các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về nghiệp vụ KDQT (xuất nhập khẩu), vận tải (logistics), bảo hiểm ngoại thương, thương mại quốc tế; công cụ, chính sách ngoại thương và đối ngoại với các tổ chức liên kết kinh tế quốc tế; đầu tư quốc tế, thanh toán quốc tế và quản trị tài chính trong các công ty đa quốc gia;

**G3.** Người học được trang bị kiến thức để giải quyết vấn đề trong doanh nghiệp/tổ chức liên quan đến hoạt động sản xuất – kinh doanh quốc tế.

❖ Kỹ năng:**G4.** Kỹ năng phân tích, đánh giá và thực hiện công việc tác nghiệp liên quan đến hoạt động sản xuất – kinh doanh quốc tế.

**G5.** Kỹ năng giao tiếp, đàm phán - thương lượng, xử lý và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống của doanh nghiệp/ tổ chức.

**G6.** Kỹ năng hoạch định, tổ chức, điều hành, kiểm tra, kiểm soát các vấn đề liên quan đến chiến lược, kế hoạch kinh doanh, marketing, bán hàng trong kinh doanh quốc tế.

**G7.** Sử dụng tốt ngoại ngữ và công nghệ thông tin để phục vụ cho công việc.

**G8.** Tư duy, nhận thức và giải quyết vấn đề mang tính độc lập cao.

**G9.** Người học có thể tự khởi sự kinh doanh và tạo việc làm cho người khác.

❖ **Thái độ:**

**G10.** Tạo cho người học có phẩm chất chính trị, tư cách đạo đức, sức khỏe tốt, và có trách nhiệm với xã hội; có ý thức tổ chức kỷ luật, lối sống văn minh, tác phong công nghiệp và có ý thức rèn luyện sức khỏe để phục vụ ngành nghề;

**G11.** Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, luôn chủ động, sáng tạo đáp ứng yêu cầu của công việc.

**G12.** Có ý thức chấp hành pháp luật của nhà nước và quốc tế.

## **2. CHUẨN ĐẦU RA**

### **2.1. Kiến thức**

#### **2.1.1. Kiến thức chung**

**LO1.** Nắm vững những kiến thức cơ bản về chính trị, cơ chế vận hành của nền kinh tế, hiểu biết luật pháp và chính sách đối ngoại của Đảng và nhà nước, toán-tin, khoa học xã hội, tự nhiên, tài chính, kế toán....

#### **2.1.2. Kiến thức chuyên môn**

**LO2.** Nắm vững và vận dụng các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về Kinh tế quốc tế; công cụ, chính sách ngoại thương và đối ngoại với các tổ chức liên kết kinh tế quốc tế; đầu tư quốc tế, thanh toán quốc tế và quản trị tài chính trong các công ty đa quốc gia.

**LO3.** Đánh giá các phương pháp thiết kế thực nghiệm, thu thập, phân tích và xử lý dữ liệu, các phần mềm ứng dụng cơ bản trong quản lý, điều hành hệ thống và Kinh doanh quốc tế.

**LO4.** Phân tích, mô hình hóa và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành Kinh doanh quốc tế.

**LO5.** Phân tích và lập kế hoạch hàng dự trữ; lập được phương án với hệ thống phân phối và quản lý kho hàng; xây dựng và giám sát kế hoạch vận tải, kế hoạch mua hàng; áp dụng được các loại hình công nghệ thông tin phù hợp.

### **2.2. Kỹ năng**

#### **2.2.1. Kỹ năng mềm**

**LO6.** Sử dụng tốt ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và tin học tương đương trình độ Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao.

**LO7.** Sử dụng hiệu quả các kỹ năng mềm (giao tiếp, làm việc nhóm, viết - đọc và trình bày, thuyết trình, đàm phán thương lượng, ...) vào công việc thực tế.

**LO8.** Tư duy, nhận thức và giải quyết vấn đề mang tính độc lập cao.

**LO9.** Người học có thể tự khởi sự kinh doanh và tạo việc làm cho người khác.

#### **2.2.2. Kỹ năng nghề nghiệp**

**LO10.** Kỹ năng phân tích, đánh giá và thực hiện công việc tác nghiệp liên quan đến kỹ năng xây dựng và triển khai các dự án, kế hoạch trong lĩnh vực Kinh doanh quốc tế tại Việt Nam.

**LO11.** Kỹ năng giao tiếp, đàm phán - thương lượng, xử lý và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống của doanh nghiệp/ tổ chức.

**LO12.** Kỹ năng hoạch định, tổ chức, điều hành, kiểm tra, kiểm soát các vấn đề liên quan đến thiết lập các giải pháp mới trong hoạt động Kinh doanh quốc tế theo xu hướng phát triển chung của xã hội và tiến bộ khoa học công nghệ.

### **2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm**

**LO13.** Tạo cho người học có phẩm chất chính trị, tư cách đạo đức, sức khỏe tốt, và có trách nhiệm với xã hội; có ý thức tổ chức kỷ luật, lối sống văn minh, tác phong công nghiệp và có ý thức rèn luyện sức khỏe để phục vụ ngành nghề.

**LO14.** Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, luôn chủ động, sáng tạo đáp ứng yêu cầu của công việc.

**LO15.** Có khả năng làm việc độc lập, trách nhiệm, sáng tạo, trung thực, ý thức chấp hành pháp luật của nhà nước và có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

### **2.4. Định hướng nghề nghiệp, vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp**

- Làm việc tại các tổ chức, doanh nghiệp liên quan đến xuất nhập khẩu; các tập đoàn, tổng công ty; các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; văn phòng đại diện và các chi nhánh của công ty nước ngoài tại Việt Nam; các cơ quan đại diện thương mại của Việt Nam ở nước ngoài; các công ty liên doanh quốc tế, các tổ chức quốc tế; các hiệp hội nghề nghiệp; các công ty tư vấn.

- Vị trí việc làm chủ yếu: chuyên viên/phân tích/quản lý xu hướng của nền kinh tế khu vực và thế giới dựa trên những thay đổi về nguồn lực và các thay đổi chính sách của các quốc gia có liên quan.

- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo.

- Nâng cao trình độ sau đại học (bậc thạc sỹ và tiến sỹ) các chuyên ngành kinh tế và quản trị kinh doanh tại các cơ sở đào tạo trong nước và ngoài nước.

### **2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường**

Cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế có trình độ kiến thức chuyên môn đủ khả năng để:

- Tiếp tục học các chương trình sau đại học trong và ngoài nước;

- Tham dự các khóa đào tạo, hội thảo chuyên đề kinh doanh quốc tế trong và ngoài nước để cập nhật kiến thức, trao đổi kinh nghiệm, nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn.

## **3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 3,5 năm**

## **4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 141 tín chỉ (Bao gồm cả Giáo dục**

thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh)

## **5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:**

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh Đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Tây Đô. Công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương;
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế
- Giáo dục và Đào tạo;
- Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

### **6.1. Quy trình đào tạo**

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTĐ, ngày 10/5/2021 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

### **6.2. Điều kiện tốt nghiệp**

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTĐ, ngày 10/5/2021 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô) và Quy định các kỹ năng chuẩn đầu ra cho sinh viên, học sinh trường Đại học Tây Đô.

- a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- b) Tích lũy đủ số tín chỉ, học phần quy định theo chương trình đào tạo;
- c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;
- d) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – an ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất.
- e) Đạt chuẩn kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và được cấp chứng chỉ theo quy định nhà trường. Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

## **7. THANG ĐIỂM**

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTĐ, ngày 10/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô).

**Thang điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần:**

Xếp loại	Điểm số theo thang	Điểm chữ	Điểm số theo thang
Xuất sắc	9,0–10,0	A	4,0

Xếp loại	Điểm số theo thang	Điểm chữ	Điểm số theo thang
Giỏi	8,0–8,9	B+	3,5
Khá	7,0–7,9	B	3,0
Trung bình Khá	6,5–6,9	C+	2,5
Trung bình	5,5–6,4	C	2,0
Trung bình Yếu	5,0–5,4	D+	1,5
Yếu	4,0–4,9	D	1,0
Kém	nhỏ hơn 4,0	F	0,0

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

$A$  là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

$a_i$  là điểm của học phần thứ  $i$

$n_i$  là số tín chỉ của học phần thứ  $i$

$n$  là tổng số học phần tích lũy

## 8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

STT	KHỐI KIẾN THỨC	TÍN CHỈ		
		TS	LT	TH
1	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	46	30	16
2	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	83		
	- Kiến thức cơ sở ngành	25	16	9
	- Kiến thức ngành	40	27	13
	- Tự chọn	18		
3	- <b>Thực tập tốt nghiệp</b>	12	2	10
	- <b>Khóa luận/ tiểu luận tốt nghiệp và học bổ sung</b>			
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>141</b>		

### 8.1. Kiến thức giáo dục đại cương:

STT	Mã số	Tên học phần	Số TC		
			Tổng	LT	TH
1	0301001769	Triết học Mac - Lênin	3	3	
2	0301001825	Kinh tế chính trị Mac - Lênin	2	2	
3	0301001826	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	
4	0301001827	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	2	
5	0301000665	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
6	0301000667	Pháp luật đại cương	2	2	
7	0301000292	Luật kinh tế	2	2	
8	0301000946	Tiếng Anh định hướng TOEIC 1	4	4	
9	0301000947	Tiếng Anh định hướng TOEIC 2	4	4	
10	0301001673	Tin học căn bản	3		3
11	0301001035	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền**	1		1
12	0301001036	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá**			
13	0301001037	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông**			
14	0301000660	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền**	1		1
15	0301001038	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**			
16	0301001039	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**			
17	0301001030	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền**	1		1
18	0301000661	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**			
19	0301000662	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**			
20	0301000650	Giáo dục quốc phòng**	8		8
21	0301002101	Toán cao cấp	3	3	
22	0301001080	Toán kinh tế	3	2	1
23	0301001403	Thống kê kinh doanh	3	2	1
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>46</b>	<b>30</b>	<b>16</b>

## 8.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:

### 8.2.1 Kiến thức cơ sở ngành

STT	Mã số	Tên học phần	Số TC		
			Tổng	LT	TH
1	0301002410	Kinh tế vi mô	3	2	1
2	0301002411	Kinh tế vĩ mô	3	2	1
3	0301002557	Kinh tế quốc tế	3	3	
4	0301001051	Nguyên lý Marketing	3	2	1
5	0301002412	Nguyên lý kế toán	3	2	1
6	0301001078	Quản trị học	3	2	1
7	0301000687	Thuế	2	1	1
8	0301001830	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2	1	1
9	0301002533	Phân tích định lượng trong kinh doanh	3	3	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>25</b>	<b>18</b>	<b>7</b>

### 8.2.2 Kiến thức chuyên ngành

STT	Mã số	Tên học phần	Số TC		
			Tổng	LT	TH
1	0301002570	Tiếng Anh chuyên ngành 1- KDQT	3	3	
2	0301002571	Tiếng Anh chuyên ngành 2 - KDQT	3	3	
3	0301002562	Quản trị cung ứng và logistic	3	3	
4	0301001837	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3	2	1
5	0301002756	Đầu tư quốc tế	3	2	1
6	0301000483	Tài chính quốc tế	3	3	
7	0301001841	Nghiệp vụ hải quan	3	3	
8	0301002560	Thanh toán quốc tế	3	2	1
9	0301000294	Luật thương mại quốc tế	3	3	
10	0301000571	Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế	3	2	1
11	0301000626	Vận tải bảo hiểm ngoại thương	3	2	1

STT	Mã số	Tên học phần	Số TC		
			Tổng	LT	TH
12	0301002811	Kinh tế đối ngoại	3	3	
13	0301002753	Thực tập nghề nghiệp- KDQT	4		4
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>40</b>	<b>30</b>	<b>10</b>

### 8.2.3 Kiến thức bổ trợ, tự chọn, chuyên sâu của ngành

STT	Mã số	Tên học phần	Số TC		
			Tổng	LT	TH
1	0301002559	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	3	3	
2	0301001844	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh quốc tế	3	3	
3	0301001660	Lập và phân tích dự án	3	2	1
4	0301000440	Quản trị chiến lược	3	2	1
5	0301001649	Quản trị tài chính	3	2	1
6	0301000456	Quản trị nguồn nhân lực	3	2	1
7	0301000799	Luật sở hữu trí tuệ	2	2	
8	0301002558	Quản trị sản xuất	3	2	1
9	0301002561	Quản trị chất lượng	3	2	1
10	0301002534	Quản trị thương hiệu	3	2	1
11	0301002564	Quản trị rủi ro	3	2	1
12	0301001414	Quản trị Marketing	3	2	1
13	0301000787	Quản trị sự thay đổi	2	2	
14	0301000335	Nghiên cứu Marketing	3	3	
15	0301001404	Tiếp thị số (Internet Marketing)	3	2	1
16	0301000314	Marketing quốc tế	2	2	
17	0301001832	Truyền thông marketing	3	2	1
18	0301001835	Marketing công nghiệp	2	1	1
19	0301000863	Quản trị doanh nghiệp	2	1	1



STT	Mã số	Tên học phần	Số TC		
			Tổng	LT	TH
20	0301001836	Khởi sự kinh doanh	2	1	1
21	0301001779	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	1	1
22	0301002566	Quản trị kinh doanh quốc tế	2	1	1
23	0301002812	Hợp đồng thương mại quốc tế	3	3	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>18</b>		

### 8.3. Thực tập tốt nghiệp, đề án, khóa luận tốt nghiệp

STT	Mã số	Tên học phần	Số TC		
			Tổng	LT	TH
1	0301001851	Thực tập tốt nghiệp -KDQT	4		4
2	0301001849	2.1 khóa luận tốt nghiệp - KDQT	8		8
		2.2 tiểu luận tốt nghiệp - KDQT và học 02 học phần thay thế			
	0301001850	2.2.1 tiểu luận tốt nghiệp -KDQT	4		4
		2.2.2 Học phần thay thế (sinh viên chọn 2 học phần trong những học phần tự chọn)	4	2	2
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>12</b>	<b>0-4</b>	<b>8-12</b>

### 9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY: (dự kiến)

Học kỳ 1:

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền**	1		1	30		30
2	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá**						
3	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông**						
4	Pháp luật đại cương	2	2		30	30	
5	Tin học căn bản	3		3	90		90
6	Toán cao cấp	3	3		45	45	

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
7	Quản trị học	3	2	1	60	30	30
8	Nguyên lý Marketing	3	3		45	45	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>14+1</b>	<b>10</b>	<b>5</b>	<b>300</b>	<b>150</b>	<b>150</b>

**Học kỳ 2:**

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Giáo dục thể chất 2- Bóng chuyền**	1		1	30		30
2	Giáo dục thể chất 2- Bóng đá**						
3	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**						
4	Thống kê kinh doanh	3	2	1	60	30	30
5	Kinh tế vi mô	3	2	1	60	30	30
6	Triết học Mac - Lênin	3	3		45	45	
7	Luật kinh tế	2	2		30	30	
8	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	4	4		60	60	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>15+1</b>	<b>13</b>	<b>3</b>	<b>285</b>	<b>195</b>	<b>90</b>

**Học kỳ 3:**

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Giáo dục quốc phòng – An ninh **	8	8		165	165	
2	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	4	4		60	60	
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30	30	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>6+8</b>	<b>6</b>	<b>8</b>	<b>510</b>	<b>255</b>	<b>165</b>

**Học kỳ 4:**

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền**	1		1	30		30
2	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**						
3	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**						

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
4	Nguyên lý kế toán	3	2	1	60	30	30
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30	30	
6	Kinh tế vĩ mô	3	2	1	60	30	30
7	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2	2		30	30	
8	Tiếng Anh chuyên ngành 1-KDQT	3	3		45	45	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>14+1</b>	<b>11</b>	<b>3</b>	<b>255</b>	<b>165</b>	<b>90</b>

**Học kỳ 5:**

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Toán kinh tế	3	2	1	60	30	30
2	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	2		30	30	
3	Kinh tế quốc tế	3	3		45	45	
4	Phân tích định lượng trong kinh doanh	3	3		45	45	
5	Tiếng Anh chuyên ngành 2-KDQT	3	3		45	45	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>14</b>	<b>13</b>	<b>1</b>	<b>225</b>	<b>195</b>	<b>30</b>

**Học kỳ 6:**

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Thuế	2	1	1	45	15	30
2	Kinh tế đối ngoại	3	3		45	45	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30	30	
	<b>Học phần tự chọn</b>	<b>6</b>					
4	Quản trị sản xuất	3	2	1	60	30	30
5	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	3	3		45	45	
6	Nghiên cứu Marketing	3	3		45	45	
7	Quản trị Marketing	3	2	1	60	30	30

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
8	Truyền thông marketing	3	3		45	45	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>13</b>	<b>11-12</b>	<b>1-2</b>	<b>195-240</b>	<b>165-180</b>	<b>30-60</b>

**Học kỳ 7:**

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Thanh toán quốc tế	3	2	1	60	30	30
2	Luật thương mại quốc tế	3	3		45	45	
3	Quản trị cung ứng và logistic	3	3		45	45	
	<b>Học phần tự chọn</b>	<b>6</b>					
4	Quản trị nguồn nhân lực	3	2	1	60	30	30
5	Quản trị chất lượng	3	2	1	60	30	30
6	Luật sở hữu trí tuệ	2	2		30	30	
7	Quản trị sự thay đổi	2	2		30	30	
8	Marketing công nghiệp	2	1	1	45	15	30
9	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	1	1	45	15	30
10	Tiếp thị số (Internet Marketing)	3	2	1	60	30	30
11	Marketing quốc tế	2	2		30	30	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>15</b>	<b>12-14</b>	<b>1-3</b>	<b>210-300</b>	<b>180-210</b>	<b>30-90</b>

**Học kỳ 8:**

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Thực tập nghề nghiệp - KDQT	4		4	120		120
2	Vận tải và bảo hiểm ngoại thương	3	2	1	60	30	30
3	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3	2	1	60	30	30
	<b>Học phần tự chọn</b>	<b>6</b>					
4	Quản trị tài chính	3	2	1	60	30	30

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
5	Quản trị rủi ro	3	3		45	45	
6	Lập và phân tích dự án	3	2	1	60	30	30
7	Quản trị chiến lược	3	3		45	45	
8	Quản trị thương hiệu	3	2	1	60	30	30
9	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh quốc tế	3	3		45	45	
10	Hợp đồng thương mại quốc tế	3	3		45	45	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>16</b>	<b>8-10</b>	<b>6-8</b>	<b>300-390</b>	<b>120-150</b>	<b>180-240</b>

**Học kỳ 9:**

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Nghiệp vụ hải quan	3	3		45	45	
2	Đầu tư quốc tế	3	2	1	60	30	30
3	Tài chính quốc tế	3	3		45	45	
4	Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế	3	2	1	60	30	30
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>12</b>	<b>9</b>	<b>3</b>	<b>225</b>	<b>135</b>	<b>90</b>

**Học kỳ 10:**

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Thực tập tốt nghiệp - KDQT	4		4	120		120
	<b>Loại hình 1:</b>	8					
2	Khóa luận tốt nghiệp - KDQT	8		8	240		240
	<b>Loại hình 2:</b>	8					
3	Tiểu luận tốt nghiệp - KDQT	4		4	120		120
	Học phần thay thế (sinh viên chọn 2 trong những học phần tự chọn)	4	4				
4	Quản trị doanh nghiệp	2	2		30	30	
5	Khởi sự kinh doanh	2	2		30	30	

TT	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
6	Quản trị kinh doanh quốc tế	2	2		30	30	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>12</b>	<b>4</b>	<b>4-12</b>	<b>300-360</b>	<b>60</b>	<b>240-360</b>

*Ghi chú: \*\*: Các học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy.*

## 10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Cách quy đổi giờ:

Giờ quy đổi được tính như sau:

1 Tín chỉ = 15 tiết giảng lý thuyết

= 30 tiết đối với học phần thực tập/ thực hành

= 60 tiết thực tập tốt nghiệp tại đơn vị thực tập

Số tiết của các học phần là bội số của 15

### 10.1 Đối với các đơn vị đào tạo

- Phải nghiên cứu chương trình để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.

- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.

- Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.

- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần.

### 10.2 Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Tổ chức cho sinh viên các buổi hội thảo, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành ngôn ngữ, và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

### 10.3 Đối với sinh viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù

hợp với tiến độ.

- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.
- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.
- Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.
- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm khóa luận/ tiểu luận tốt nghiệp.
- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.



HIỆU TRƯỞNG

*Trần Long Luận*

CAO